

# **NỢ CÔNG BỒ ĐÀO NHA VÀ NHỮNG BẤT CẬP TRONG GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ CỦA CHÂU ÂU**

**PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình**  
*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới*

**Ths. Lê Minh Tâm**

*Học viện Khoa học xã hội*

Nợ công của các nước Nam châu Âu, đặc biệt của nhóm “PIGS” (Bồ Đào Nha, Ailen, Hy Lạp và Tây Ban Nha) đang làm tăng thêm mối lo ngại về nợ công quốc tế cũng như sự ổn định của thị trường tài chính toàn cầu. Sau Hy Lạp và Ailen, Bồ Đào Nha - một trong 17 nền kinh tế yếu nhất Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu - đã trở thành nước thứ 3 chính thức đề xuất gói cứu trợ trị giá 80 tỉ EUR (khoảng 115 tỉ USD) từ sự giúp đỡ của Liên minh Châu Âu (EU) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) trong cuộc họp cấp Bộ trưởng Tài chính (4/2011).

## **I. Khủng hoảng nợ công và những bất ổn kinh tế - chính trị**

Bồ Đào Nha là nền kinh tế có sức cạnh tranh yếu nhất trong khu vực đồng EUR. Không như Ailen và Hy Lạp, những khó khăn về kinh tế mà Bồ Đào Nha gặp phải đã hình thành từ thập kỷ trước, khi tăng trưởng của Bồ Đào Nha chỉ đạt mức trung bình 1,3% trong giai đoạn 2000-2008 (so với mức 4 - 5% của Hy Lạp và Ailen) nhưng lại phải chi trả phúc lợi cho người dân tương đương

với mức của các nước châu Âu giàu và có mức tăng trưởng cao.

Trong lịch sử Bồ Đào Nha, đã có 3 lần chính quyền Lisbon phải kêu cầu sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế: *Lần thứ nhất vào năm 1978*, khi mức thâm hụt ngân sách lên tới 10% GDP. Quỹ Tiền tệ quốc tế đã buộc chính quyền Lisbon phá giá đồng nội tệ (đồng Escudo) đến hơn 27% để vực dậy khu vực xuất khẩu; *Lần thứ hai năm 1983*, khi Bồ Đào Nha phải đối phó với nạn lạm phát phi mã (34%/năm), tỉ lệ thất nghiệp ở mức kỷ lục (8,8% năm 1985), sức mua của người dân giảm 18%; *Lần thứ ba năm 2011*, Bồ Đào Nha buộc phải cầu cứu sự trợ giúp tài chính của Liên minh Châu Âu và Quỹ Tiền tệ quốc tế sau gần một năm xoay sở để giải quyết khó khăn kinh tế trong nước. *Bồ Đào Nha hiện đang phải đối mặt với 3 khó khăn lớn:*

*Thứ nhất, bất ổn về tài chính của Bồ Đào Nha được cảnh báo ngay khi cuộc khủng hoảng nợ công diễn ra ở Hy Lạp (tháng 4/2010). Tương tự Hy Lạp, mức nợ*

của các hộ gia đình Bồ Đào Nha được coi là cao nhất trong Khối EUR, thậm chí ngay cả trước khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Bồ Đào Nha và Hy Lạp – hai quốc gia thuộc vùng Địa Trung Hải, đều bị coi là có tiềm năng tiêu thụ thấp nhất. Khủng hoảng nợ công ngày càng có xu hướng trầm trọng hơn

và hậu quả dường như cũng nặng nề hơn do khủng hoảng tài chính toàn cầu. Bồ Đào Nha tiếp tục rơi vào khủng hoảng chính trị sau khi Thủ tướng Jose Socrates từ chức do các đảng đối lập liên kết cùng chống lại chương trình cải cách kinh tế khắc khổ do ông đề xuất.

**Bảng: Dự báo mức tăng nợ công của Bồ Đào Nha giai đoạn 2010-2020**

Năm	Tăng trưởng GDP (%)	Thâm hụt ngân sách (% GDP)	Nợ công (% GDP)	Thanh toán lãi (%)	Quyết toán sơ bộ
2010	2,0	7,3	82,8	3,1	-4,2
2011	2,0	6,5	95,7	4,0	-2,5
2012	2,0	4,0	97,8	4,5	0,5
2013	2,5	3,0	98,5	5,0	2,0
2014	3,0	3,0	98,6	5,4	2,4
2015	3,0	3,0	98,7	5,9	2,9
2016	3,0	3,0	98,8	6,4	3,4
2017	3,0	3,0	99,0	6,4	3,4
2018	3,0	3,0	99,1	6,4	3,4
2019	3,0	3,0	99,2	6,4	3,4
2020	3,0	3,0	99,3	6,4	3,4

*Nguồn: Radi Khasawneh (2011), Chart of Day: Portugal's Unsustainable Debt Burden, Financial News, 22 Feb 2011.*

*Thứ hai, tỉ lệ tăng trưởng kinh tế thấp.*

Tăng trưởng kinh tế trung bình của Bồ Đào Nha chỉ đạt dưới 1%/năm trong suốt thập kỷ đầu thế kỷ XXI<sup>1</sup>, trở thành một trong những quốc gia có tỉ lệ tăng trưởng kinh tế yếu nhất châu Âu. Trong khi Ailen thu hút được nhiều

công nghệ cao nhờ các biện pháp ưu đãi thuế thì cơ cấu kinh tế Bồ Đào Nha bị coi là lạc hậu do nước này vẫn chỉ đầu tư vào các ngành nghề truyền thống như ngành công nghiệp dệt may – lĩnh vực chịu nhiều sức ép từ các nhà sản xuất châu Á. Kim ngạch xuất khẩu của Bồ Đào Nha liên tục giảm sút. Tỉ lệ thất nghiệp của Bồ Đào Nha đã tăng lên tới 11,1% (quý 4/2010) - mức cao nhất kể từ

<sup>1</sup> Trong suốt từ năm 2000 đến năm 2008, tỷ lệ tăng trưởng trung bình của Bồ Đào Nha chỉ vào khoảng 1,3%, trong khi GDP của Hy Lạp tăng 4%/năm và Ailen tăng 5% GDP.

năm 1998. Nghiêm trọng hơn, 70% các khoản nợ của Bồ Đào Nha là nợ nước ngoài, có nghĩa Bồ Đào Nha khó lòng xoay sở hay trì hoãn nợ khi đáo hạn.

*Thứ ba, ngân sách và cán cân thanh toán bị thâm hụt triền miên.* Bồ Đào Nha bị coi là một trong những nền kinh tế kém cỏi nhất và có khả năng cạnh tranh yếu kém nhất trong Khối EUR. Nước này khó có thể vượt qua được khó khăn khi thâm hụt ngân sách hiện đã lên tới gần 10% GDP, nợ phải thanh toán đã lên tới 90% GDP. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhật Bản Nomura, chỉ số về khả năng cạnh tranh của Bồ Đào Nha thấp hơn so với của Đức tới 24%. Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm được bán ra năm 2010 đến nay đã mất 18% giá trị, buộc các nhà đầu tư quốc tế phải bán tổng bán tháo trái phiếu, dẫn tới bất ổn gia tăng trên thị trường tài chính.

Chi phí vay mượn của Bồ Đào Nha tăng mạnh năm 2010 và hiện đang ở gần mức cao nhất kể từ khi đồng EUR ra đời. Tình trạng tài chính bấp bênh cộng thêm mối lo ngại về khả năng khó tránh khỏi “vét xe đò” như Hy Lạp và Ailen là những lý do đẩy tỉ lệ lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm lên tới 7,8% - đây là mức cao kỷ lục trong Khu vực đồng EUR và là mức lãi suất được đánh giá tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với phát triển bền vững, thậm chí cao hơn cả mức lãi suất mà Hy Lạp và Ailen phải chấp nhận trước khi nhận cứu

trợ vỡ nợ từ EU và IMF; Vì vậy chính phủ Bồ Đào Nha buộc phải phát hành trái phiếu để vay tiền, ước tính lên đến gần 70 tỉ EUR. Mặc dù chưa vượt quá khả năng tài chính của EU, song điều lo ngại là khủng hoảng Bồ Đào Nha sẽ tạo ra hiệu ứng domino và nếu như Tây Ban Nha cũng cần tới khoản viện trợ thì số tiền đó đủ tạo ra “cú sốc” về tài chính đối với EU. Vì để cứu trợ Tây Ban Nha, nền kinh tế trị giá 1.560 tỉ USD, chi phí sẽ vượt quá tổng các cuộc cứu trợ ở châu Âu trước đây và gây sức ép nặng nề lên năng lực tài chính toàn khu vực.

Lãi suất trái phiếu chính phủ tăng làm gia tăng mối lo ngại về khủng hoảng nợ công. Núi nợ công của Bồ Đào Nha lên đến 143 tỉ EUR (khoảng 200 tỉ USD) năm 2010, tương đương 83,3% GDP - cao hơn giới hạn nợ công cho phép theo quy định của EU đối với Khu vực đồng EUR (60% GDP). Nợ công cao trong khi nền kinh tế lại đang rơi vào tình trạng suy thoái và tỉ lệ thất nghiệp tăng 11,1% - mức cao nhất trong hơn 10 năm qua, biện pháp duy nhất để Bồ Đào Nha thoát khỏi vòng xoáy tồi tệ này là tăng cường xuất khẩu. Tuy nhiên, chính sách xuất khẩu lại vấp phải giới hạn tiếp cận vốn, điều kiện vay mượn khó khăn... Bồ Đào Nha thừa nhận không thể chịu được mức lãi suất cao kéo dài nếu EU không hành động nhanh chóng.

Mức xếp hạng tín nhiệm trái phiếu của Bồ Đào Nha xuống mức BBB - mức đầu tư thấp nhất. Nước này bị xếp hạng sau cả Ailen, quốc gia đầu tiên yêu cầu Quỹ Cứu trợ vỡ nợ Châu Âu trợ giúp. Moody's Investors Service cũng tuyên bố sẽ giảm 2 bậc tín dụng của Bồ Đào Nha vì cho rằng các mục tiêu giảm nợ và thâm hụt của Bồ Đào Nha đều khó có khả năng trở thành hiện thực.

Tính đến tháng 4/2011, nợ công của Bồ Đào Nha lên tới 286 tỉ USD, bao gồm 86 tỉ USD nợ Tây Ban Nha, nợ Đức 47 tỉ USD, nợ Pháp 45 tỉ USD và nợ Anh 24 tỉ USD. Dự báo nợ công của Bồ Đào Nha sẽ vào khoảng gần 100% GDP vào năm 2020. Mặc dù thâm hụt ngân sách của Bồ Đào Nha năm 2010 ở mức 80% GDP, không cao như của Hy Lạp (130% GDP) và giới hạn có thể chấp nhận được, nhưng những yếu tố bất lợi trên cùng với 70% các khoản nợ là nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế chậm (yếu nhất trong khu vực châu Âu), khả năng cạnh tranh thấp (nếu so sánh với Đức) khiến cơ hội huy động lượng tiền cần thiết để tái tài trợ cho các nghĩa vụ quốc gia trở nên vô cùng khó khăn. Bồ Đào Nha khó có thể xoay xở hay trì hoãn nợ đáo hạn, vì vậy chính phủ nước này luôn phải vay mượn – chủ yếu là vay tiền của các nước trong Khối EUR để thanh toán các khoản chi tiêu. Do vậy, mục tiêu giảm mức bội chi của Bồ Đào Nha đặt ra từ 10% GDP

(2010) xuống còn vào khoảng 4% (2011) khó có thể thực hiện được.

## II. Giải pháp ứng phó

Để khắc phục tình trạng nợ công, các quốc gia phát triển thường áp dụng 4 biện pháp sau: *Một là, hạ các mức lãi suất* nhằm làm giảm nợ công. Pháp đã thực hiện giải pháp này vào những năm 1880. Tuy nhiên, giải pháp này hiện khó có thể thực hiện do Ngân hàng Trung ương nhiều nước đã giảm mức lãi suất đến mức thấp nhất, thậm chí 0% như ở Mỹ; *Hai là, Nhà nước cũng có thể dùng lạm phát để giảm mức nợ*. Sau Thế chiến thứ Hai, Anh đã áp dụng lý thuyết của Keynes, tạo ra lạm phát nhằm làm giảm gánh nặng nợ. Tuy nhiên, lạm phát sẽ làm cho lãi suất của các món nợ mới tăng trong trường hợp Nhà nước bị bắt buộc phải vay thêm do ngân sách thiếu hụt triền miên và gây khó khăn cho cuộc sống của người dân, đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô; *Ba là, nâng cao mức tăng trưởng*. Mỹ đã áp dụng giải pháp này sau chiến tranh ly khai (1861 - 1865); *Bốn là, tăng thuế để lấy tiền trả nợ*. Tuy nhiên, giải pháp này lại gây mất lòng dân.

Bồ Đào Nha ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ với những giải pháp chính bao gồm:

*Thứ nhất, cắt giảm các khoản chi tiêu thông qua kế hoạch “thắt lưng buộc bụng*. Cho đến năm 2010, chính phủ Bồ Đào Nha đã ba lần đưa ra các kế hoạch “thắt lưng

buộc bưng” nhằm giảm thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên, trước yêu cầu thanh toán nợ 9 tỉ EUR (khoảng 13 tỉ USD) vào tháng 6/2011 và mục tiêu giảm thâm hụt ngân sách từ 7,3% (2010) xuống 4,6% (2011) và 3% (2012) theo Quy định của Hiệp ước Maastricht, chính phủ Bồ Đào Nha tiếp tục đề xuất kế hoạch “thắt lưng buộc bụng” lần thứ tư (tháng 3/2011) với hy vọng các biện pháp thắt lưng buộc bụng liên tiếp như vậy sẽ giúp nước này không phải cầu viện đến sự giúp đỡ quốc tế. Tuy nhiên, việc triển khai các biện pháp “thắt lưng buộc bụng” trong bối cảnh giá nhiên liệu và tỉ lệ lãi ngày càng tăng đã gây phản tác dụng bởi các biện pháp cắt giảm chi tiêu nhằm thẳng vào túi tiền của người dân, kéo mức chi tiêu của các hộ gia đình đi xuống, tạo thêm căng thẳng trong xã hội và làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế thêm trầm trọng. Hàng loạt các cuộc đình công và biểu tình nổ ra phản đối việc tăng thuế, cắt giảm lương và phúc lợi xã hội, yêu cầu chính phủ Bồ Đào Nha thay đổi chính sách nhằm đối phó với tình trạng thất nghiệp đang ngày một gia tăng, điều kiện làm việc bấp bênh đối với giới trẻ và mức sống bị giảm sút. Theo quan điểm của Paul Krugman, việc áp dụng các chương trình thắt lưng buộc bụng là một lựa chọn sai lầm. Vì với việc tăng thuế và cắt giảm chi tiêu, Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, với những vấn đề trên thị trường việc làm.

*Thứ hai, giảm thâm hụt ngân sách thông qua tăng thuế (đến 23%) và giảm tiền lương công chức nhà nước xuống 5%.* Tháng 3/2011, Bồ Đào Nha áp dụng cắt giảm chi ngân sách và “đóng băng” một ngày lương hưu. Thâm hụt ngân sách của nước này đã giảm từ 9,4% (2009) xuống 7,3% (2010) và dự báo khoảng 4,6% (2011) thông qua việc giảm lương, giảm mức trần chi tiêu cho các chương trình xã hội và tăng thuế. Với mức cắt giảm này, tuy chưa đạt được mức trần thâm hụt ngân sách mà EU đưa ra là 3% GDP, nhưng sẽ tiết kiệm được cho ngân sách khoảng 5 tỉ EUR (tương đương 7 tỉ USD). Tuy nhiên, giải pháp này hạn chế tiềm năng tiêu dùng trong nước và kìm hãm sự tăng trưởng kinh tế, làm cho nền kinh tế lâm vào tình trạng đình đốn hơn.

Việc cắt giảm chi tiêu chưa đủ để cho phép Bồ Đào Nha giảm bớt nợ. Kinh nghiệm của Nhật Bản năm 1997 đã chỉ ra rằng, việc tăng thuế tiêu thụ đã đẩy kinh tế Nhật Bản trở lại suy thoái. Vì vậy, việc thắt chặt ngân sách có thể phản tác dụng, đặc biệt sau một cuộc khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng. Bởi vậy, thay vì tìm cách cắt giảm mạnh thâm hụt ngân sách ở thời điểm hiện nay, chính phủ các nước giàu cần đưa ra cam kết sẽ thắt chặt ngân sách khi nền kinh tế đã phục hồi bền vững hơn và nêu rõ thâm hụt ngân sách sẽ được giảm xuống bằng cách nào, cam kết cải thiện nền tài chính công

bằng cách cắt giảm chi tiêu trong tương lai, thay vì đánh thuế cao hơn.

Phần lớn các quốc gia châu Âu không còn nhiều cơ hội để tăng thuế. Tại nhiều nước thuộc châu lục này, doanh thu từ thuế đã lên tới mức 40% so với GDP. Cải cách thuế chỉ đặc biệt cần thiết ở những quốc gia vốn đã phụ thuộc quá nhiều vào nguồn thu thuế từ thị trường tài chính và địa ốc như Anh và Ailen. Ngay tại Mỹ, nơi doanh thu từ thuế chỉ khoảng 30% GDP, việc tăng thuế cũng chưa phải là giải pháp tối ưu nhất. Do đó, việc kiểm soát chi tiêu công nên được đặt ở vị trí ưu tiên, mặc dù vẫn có cơ hội để tăng thuế.

*Thứ ba, kêu gọi sự cứu trợ của Liên minh Châu Âu (EU) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).* Trong gói cứu trợ trị giá 80 tỉ EUR cho Bồ Đào Nha, IMF sẽ hỗ trợ 1/3, phần còn lại là trách nhiệm của EU (Pháp đóng góp 15 tỉ EUR, Đức đóng góp khoảng 22 tỉ EUR). Tuy nhiên, để đổi lấy khoản cứu trợ này, Lisbon phải chấp nhận một số điều kiện khắc nghiệt về cải cách kinh tế như cắt giảm chi tiêu công hơn nữa, tăng thuế, đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp, cải cách thị trường lao động, hỗ trợ các ngân hàng yếu kém cũng như cân đối khả năng thanh toán trong khu vực tài chính. Để đáp ứng được mức lãi suất của gói cứu trợ 4-5%, theo đánh giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Lisbon phải bảo

đảm tăng trưởng kinh tế trung bình 5%/năm mới có thể thu hẹp được thâm hụt ngân sách và đáp ứng mức trần 3% GDP theo quy định của EU. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế âm của Bồ Đào Nha khiến mục tiêu này càng khó đạt được.

*Thứ tư, giải pháp khác nữa mà một số quốc gia phát triển cần thực hiện là tăng tuổi nghỉ hưu,* qua đó sẽ tăng doanh thu từ thuế (do người lao động làm việc trong thời gian dài hơn) và cắt giảm chi phí lương hưu trong tương lai. Tác động tiêu cực từ khủng hoảng là đẩy nợ công tăng vọt, nhưng cũng là cơ hội để thắt chặt kiểm soát chi phí lương hưu và bảo hiểm cho dân số đang lão hóa của họ.

### **III. Những bất cập trong giải pháp ứng phó**

Những giải pháp ứng phó với cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu nói chung và Bồ Đào Nha nói riêng đang gặp phải những khó khăn cả ở trong nước cũng như ở khu vực.

#### **1. Khó khăn trong nước của Bồ Đào Nha**

Mọi cứu trợ trong nước đều phải được sự thống nhất thông qua của Chính phủ của Thủ tướng Bồ Đào Nha và đảng Dân chủ Xã hội (SDP). Trong khi Chính phủ của Thủ tướng Bồ Đào Nha chủ trương theo đuổi các chính sách “thắt lưng buộc bụng” nhằm giảm thâm hụt ngân sách và nợ công thì đảng Dân

chủ Xã hội đã rất nhiều lần bác bỏ kế hoạch siết chặt kinh tế của Chính phủ dẫn đến sự bất ổn về chính trị, buộc Thủ tướng Bồ Đào Nha phải từ chức (tháng 3/2011). Bên cạnh đó, các cuộc biểu tình liên tiếp diễn ra yêu cầu Chính phủ không nhượng bộ trước các điều kiện khắt khe để đòi lấy gói cứu trợ tiếp tục diễn ra, tạo sức ép lớn đối với chính quyền Lisbon.

Thêm nữa, Bồ Đào Nha vẫn chưa nhận được sự thống nhất về điều kiện cho vay từ EU và IMF. Lãi suất do IMF đề xuất đối với khoản cứu trợ Bồ Đào Nha có sự ưu đãi hơn<sup>2</sup> khiến các nước giàu EU không chấp thuận. Gói cứu trợ tài chính của EU cho Bồ Đào Nha cần có sự thông qua của cả 17 thành viên Khu vực đồng EUR (trong đó có cả Phần Lan). Tuy nhiên, người đứng đầu đảng Phần Lan đã tuyên bố sẽ phong tỏa kế hoạch cứu trợ Bồ Đào Nha khiến mối lo ngại về sự ủng hộ gói cứu trợ tài chính của EU càng gia tăng. Bên cạnh đó, còn tồn tại lo ngại Tây Ban Nha cũng sẽ cần cứu trợ để đối phó với tình trạng nợ công, bởi chi phí để cứu Tây Ban Nha sẽ vượt quá tổng giá trị các kế hoạch cứu trợ của châu Âu và thách thức tổng lực tài chính toàn khu vực. Mặc dù Ailen cũng đang cần thêm khoản cứu trợ mới khoảng 39 tỉ USD mới có thể trụ được và cho đến nay EU vẫn đủ nguồn lực để lần lượt tung ra các gói viện trợ, song nếu cuộc

khủng hoảng lan rộng và EU không còn đủ sức duy trì gói cứu trợ, khối này sẽ phải đối diện với sự sụp đổ tài chính.

## 2. Những bất cập trong khu vực châu Âu

Gói giải pháp toàn diện cho vấn đề nợ công và ngăn chặn khủng hoảng nợ công đang lan rộng ra toàn khu vực châu Âu do vậy cần có giải pháp toàn diện do EU hậu thuẫn. Tuy nhiên, châu Âu đang phải đối mặt với một số khó khăn, cản trở sự nhất trí trong ban lãnh đạo EU. Những bất cập đó là:

*Thứ nhất, mâu thuẫn về phương thức giải quyết nợ công.* Hai quốc gia có nhiều ảnh hưởng trong mọi quyết định tài chính của EU là Đức và Pháp yêu cầu các quốc gia trong khu vực phải triển khai các chính sách kinh tế giống nhau và tuân thủ các nguyên tắc về thỏa thuận cạnh tranh. Đức đặt quy định mức thâm hụt ngân sách Nhà nước (mức trần 3% GDP) và nợ công (6% GDP) thành luật quốc gia và phải đưa vào Hiến pháp hoặc khung luật pháp của các thành viên EU. Tuy nhiên, đề xuất của hai nền kinh tế đầu tàu khu vực vấp phải sự phản đối của các thành viên nhỏ hơn vì cho rằng kế hoạch đó tước mất quyền tự quyết của họ.

*Thứ hai, sự bất cập trong việc góp vốn vào Quỹ Cứu trợ Ngắn hạn của EU (EFSF)<sup>3</sup> cũng như phương thức và quyền hạn sử dụng*

<sup>2</sup> Mức lãi suất cứu trợ cho Bồ Đào Nha thấp hơn mức của Hy Lạp và thời hạn lại dài hơn.

<sup>3</sup> European Financial Stability Facility (EFSF): Cơ chế Ổn định tài chính.

vốn của Quỹ Cứu trợ dài hạn ESM<sup>4</sup>. Vấn đề khó tìm được sự đồng thuận nhất là việc góp vốn. EFSF trị giá khoảng 440 tỉ EUR (tương đương 610 tỉ USD) với thời hạn hoạt động 3 năm, nhưng đến tháng 3/2011, các nước mới chỉ đóng góp được 50% tổng số. Trong khi đó, các Bộ trưởng Tài chính của 27 nước thành viên EU lại quyết định tăng gấp đôi khả năng cho vay thực tế của ESM. Đức và Pháp, những quốc gia đóng góp nhiều nhất cho Quỹ EFSF, nhất trí ủng hộ việc mở rộng Quỹ nhưng với điều kiện phải được dùng ESM để mua trái phiếu chính phủ của các nước sử dụng đồng EUR trên thị trường mở. Tuy nhiên, yêu cầu này của Đức và Pháp lại gặp phải sự chống đối của các nền kinh tế khác trong khu vực bởi lẽ họ cho rằng biện pháp này có thể làm chệch hướng các nỗ lực giám sát của Ủy ban Châu Âu (EC). Các cơ quan kinh tế có thẩm quyền của EU đã kiến nghị nâng quy mô Quỹ Cứu trợ Vỡ nợ của EU từ 440 tỉ EUR hiện nay lên 1.000 tỉ EUR, vì Bồ Đào Nha có thể chưa phải là “quân cờ domino” cuối cùng. Các Bộ trưởng Tài chính châu Âu ngày 21/3 đã đạt được sự đồng thuận về các phương thức của Cơ chế Ổn định Châu Âu<sup>5</sup>, một dạng quỹ cứu trợ tài chính thường trực với số vốn cơ bản lên tới 700 tỉ EUR nhằm tránh để tái diễn các cuộc khủng hoảng tài chính trong tương lai, (trong

đó 80 tỉ sẽ được đóng góp trước và các nước thành viên Khối EUR cam kết đóng sau 620 tỉ EUR nhằm đảm bảo tỉ lệ tín dụng cao nhất có thể).

*Thứ ba, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các nước thành viên được xem là một trong những thách thức lớn hiện nay đối với EU.* Đức và một số thành viên nhỏ hơn có mức tăng trưởng tốt hơn trong khi một số thành viên khác bị tụt hậu. Năm 2010, tăng trưởng GDP của Đức đạt 3,4% (gần gấp đôi so với mức trung bình của khu vực đồng tiền chung châu Âu, khoảng 1,8%); Xlôvakia đạt 4,1% GDP; Thụy Điển đạt mức cao nhất 4,8% GDP; Pháp và Anh ở mức trung bình 1,8%. Nhóm các nước có tốc độ tăng GDP thấp nhất là Hy Lạp (-4,2%); Ailen (-0,2%). Theo đánh giá của nhà kinh tế Mỹ N. Rubini, EU khó có thể tìm được giải pháp cho khủng hoảng nợ công bởi quyết định tăng lãi suất của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) sẽ thổi bùng “quả bóng nợ công” ở những nước có nguy cơ rơi vào vòng xoáy khủng hoảng như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Italia... Trong khi Hy Lạp và Ailen – hai quốc gia hiện đang sử dụng gói cứu trợ của EU và Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF – yêu cầu đàm phán, thương lượng lại các điều khoản cứu trợ. Động thái này khiến các nước EU thêm khó khăn trong việc tìm kiếm sự nhất trí về một giải pháp toàn diện cho khu vực.

<sup>4</sup> European Stability Model (ESM): Cơ chế Ổn định Châu Âu.

<sup>5</sup> Cơ chế Ổn định Châu Âu thay thế cho Quỹ Bình ổn Tài chính Châu Âu trị giá 440 tỉ EUR hiện nay.

*Thứ tư, sự chia rẽ trong nội bộ khu vực châu Âu ngày càng tăng.* Càng bị khủng hoảng, Liên minh Châu Âu và Eurozone càng bị "chia rẽ" khi nhiều quốc gia có nền kinh tế ổn định lại phải chung tay gánh vác các quốc gia gặp khủng hoảng. Mọi giải pháp đều liên quan và phải có sự đồng thuận của các nước thành viên, nhưng thực tế không phải lúc nào sự đồng thuận cũng ở mức cao nhất.

Dù không muốn nhưng phải thừa nhận, trong quá trình hình thành và phát triển của EU và Eurozone, khủng hoảng nợ công là thử thách lớn nhất mà EU và Eurozone gặp phải. Hơn thế nữa, đây là khủng hoảng chưa có tiền lệ và do vậy chưa xác định được đặc điểm cũng như qui luật của "con bão" khủng hoảng. Thêm nữa, tăng trưởng của EU và Eurozone ở mức thấp (khoảng 1,5%) trong khi lạm phát lại tăng cao (khoảng 2,6%). Khi tăng trưởng thấp cần phải lãi suất thấp và nới lỏng tiền tệ... Khi lạm phát tăng cao, lãi suất lại ở chiều ngược lại. Điều này giải thích tại sao kinh tế Liên minh Châu Âu và Eurozone khó đạt được mức tăng trưởng cao. Chủ trương tăng lãi suất từ 1% lên 1,25% (4/2011) của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) khẳng định mục tiêu ngăn chặn lạm phát cao hơn mục tiêu tăng trưởng. Bởi vì, đối với Liên minh Châu Âu và Eurozone, lạm phát là vấn đề nguy hiểm và nghiêm trọng nhất và cần phải giải quyết triệt để. Mức tăng lãi suất lên

1,25% chưa phải là cuối cùng, EU và Eurozone sẽ phải làm quen với việc tăng lãi suất trong tương lai.

Tóm lại, triển vọng kinh tế và sự ổn định tài chính cũng như cuộc khủng hoảng nợ công nghiêm trọng hiện nay của Liên minh Châu Âu đang là mối đe dọa lớn nhất đối với sự phục hồi kinh tế toàn cầu. Để giải quyết những bất ổn này, EU cần có giải pháp toàn diện gồm cả tài chính công, sức cạnh tranh của nền kinh tế và cơ chế ổn định trong tương lai. Tuy nhiên, giải pháp này sẽ không thể đạt được nếu từng quốc gia EU vẫn tiếp tục đặt lợi ích cá nhân lớn hơn mục tiêu chung của khu vực.

#### **Tài liệu tham khảo chính**

1. Jay Surtin (2010), *Managing Public Debt and Its Financial Stability Implication*, International Monetary Fund (IMF), Working Paper No 10/280, December 2010.
2. Radi Khasawneh (2011), *Chart of Day: Portugal's Unsustainable Debt Burden*, Financial News, 22 Feb 2011.
3. Chu Hồng Thắng (2011), *Thách thức với Bồ Đào Nha thời "hậu giải cứu"*, Báo Nhân Dân, số 16 (17/4/2011).
4. *Public Debt Management Strategy 2011-2013*, Ministry of Public Finance, General Directorate for Treasury and Public Debt, 2010.
5. World Bank (2010), *Managing Public Debt: From Diagnostics to Reform Implementation*, World Bank Publication.